TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN ĐỨC HUỆ** **TỈNH LONG AN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do -Hạnh phúc**

Bản án số: 62/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 19-9-2018
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HUỆ TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Bích Liên.
Các Hội thẩm nhân dân:
Bà Nguyễn Thị Hạnh.
Ông Tạ Hồng Trang.

- Thư ký phiên tòa: Bà Mai Thị Bé Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ, tỉnh Long An.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đức Huệ tỉnh Long An tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Toàn - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 9 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Huệ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 58/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2018 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Huỳnh Văn Q - Sinh năm 1988 - Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L1. (Vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/7/2018).

Bị đơn: Bà Võ Thị Hồng L - Sinh năm 1989 - Địa chỉ: ấp 3, xã M, huyện Đ, tỉnh L1. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 14/11/2017, các văn bản tiếp theo, nguyên đơn ông Huỳnh Văn Q trình bày: ông Q và bà Võ Thị Hồng L cưới nhau năm 2009, đăng ký kết hôn ngày 26/5/2009 tại Ủy ban nhân dân (UBND) thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh L1. Vợ chồng chung sống đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế nên vợ chồng thường xuyên gây cãi nhau. Bà L đã bỏ nhà đi và sống ly thân với ông Q từ tháng 11/2015 đến nay.

Về hôn nhân: Ông Q yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Hồng L.

Về con chung: ông Q và bà L có 02 con chung tên Huỳnh Mẫn N, sinh ngày 18/3/2009 và Huỳnh Nguyên K, sinh ngày 23/10/2011. Hiện ông Q đang nuôi Nguyên K, bà L nuôi Mẫn N. Ông Q yêu cầu trực tiếp nuôi Nguyên K, bà L nuôi Mẫn N, không ai phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Q cho rằng không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản và nợ.

Tại đơn xin xét xử vắng mặt ngày 27/7/2018, ông Q giữ nguyên các yêu cầu như nội dung đơn khởi kiện.

Bà Võ Thị Hồng L đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt tại phiên tòa.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Đ phát biểu ý kiến: Về việc tuân theo pháp luật tố tụng: trong quá trình thụ lý, thời gian chuẩn bị đưa vụ án ra xét xử, Thẩm phán đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về việc giải quyết vụ án: đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thẩm quyền: Ông Huỳnh Văn Q khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Võ Thị Hồng L. Bà L có nơi cư trú cuối cùng tại huyện Đ, tỉnh L1 nên Tòa án nhân dân huyện Đ tỉnh L1 thụ lý giải quyết vụ án là đúng theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2]. Về thủ tục tố tụng: bà L đã được tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng của Tòa án nhưng không có mặt để tham gia hòa giải vì vậy đây là vụ án không tiến hành hòa giải được theo quy định tại khoản 1 Điều 207 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Ông Q có đơn xin xét xử vắng mặt, bà L vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai nên Hội đồng xét xử căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[3]. Xét yêu cầu ly hôn của ông Q: ông Huỳnh Văn Q và bà Võ Thị Hồng L xác lập quan hệ vợ chồng có đăng ký kết hôn ngày 26/5/2009 tại UBND thị trấn Hiệp Hòa, huyện Đức Hòa, tỉnh L1 nên quan hệ hôn nhân giữa ông Q và bà L là hôn nhân hợp pháp theo quy định của luật Hôn nhân và gia đình.

Xét yêu cầu của ông Q về việc ly hôn với bà L: ông Q cho rằng nguyên nhân mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong quản lý kinh tế dẫn đến thường xuyên gây cãi, bất đồng quan điểm sống nên đã ly thân từ tháng 11/2015 đến nay. Tòa án đã triệu tập bà L để hòa giải nhưng bà L vẫn vắng mặt, không có ý kiến cũng như không cung cấp tài liệu, chứng cứ chứng minh cho quyền và lợi ích hợp pháp của bà vì vậy không có cơ hội cho ông Q và bà L đoàn tụ. Xét mâu thuẫn giữa ông Q và bà L đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên yêu cầu ly hôn của ông Q có cơ sở chấp nhận theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét yêu cầu nuôi con chung của ông Q: Hiện ông Q đang nuôi Huỳnh Nguyên K, bà L đang nuôi Huỳnh Mẫn N. Bà L vắng mặt, không thể hiện yêu cầu về con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung, nên để đảm bảo sự ổn định, phát triển tốt nhất cho các con chung thì giao ông Q trực tiếp nuôi Huỳnh Nguyên K, bà L trực tiếp nuôi Huỳnh Mẫn N là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Ông Q không yêu cầu bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Bà L vắng mặt, không thể hiện quan điểm về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung nên Hội đồng xét xử không buộc bên nào phải cấp dưỡng nuôi con chung. Nếu sau này giữa ông Q và bà L có phát sinh tranh chấp thì giành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[5]. Về tài sản chung và nợ chung: Ông Q cho rằng ông và bà L không có tài sản chung và nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà L vắng mặt tại phiên tòa, không thể hiện ý kiến về tài sản và nợ nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết về tài sản và nợ trong vụ án này. Nếu sau này giữa ông Q và bà L có phát sinh tranh chấp về tài sản hoặc về nợ thì giành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác.

[6]. Với những nhận định trên, đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát về việc giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[7] Chi phí tố tụng: ông Q phải chịu 2.100.000 đồng chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng.

[8]. Về án phí dân sự sơ thẩm: ông Q là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm (Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự, điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án) nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Q đã nộp. Bà L không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 40, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 180, khoản 1 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 266 Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 56, khoản 2 Điều 81, Điều 83 và Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Huỳnh Văn Q đối với bà Võ Thị Hồng L về việc "ly hôn";

Về hôn nhân: ông Huỳnh Văn Q được ly hôn với bà Võ Thị Hồng L.

Về con chung: ông Huỳnh Văn Q được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Nguyên K, sinh ngày 23/10/2011, hiện đang sống chung với ông Q. Bà Võ Thị Hồng L được quyền trực tiếp nuôi con chung tên Huỳnh Mẫn N, sinh ngày 18/3/2009, hiện đang sống với bà L. Ông Q và bà L không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Ông Q và bà L được quyền thăm nom, chăm sóc con chung. Khi cần thiết, vì quyền và lợi ích của con chung, ông Q và bà L được quyền yêu cầu thay đổi tình trạng nuôi con chung và việc cấp dưỡng nuôi con chung theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình.

Về tài sản chung và nợ chung: ông Q cho rằng không có, không yêu cầu giải quyết nên không xem xét giải quyết.

Về chi phí tố tụng: ông Huỳnh Văn Q phải chịu 2.100.000 đồng (hai triệu một trăm nghìn đồng) chi phí thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng (đã chi phí xong).

Về án phí dân sự sơ thẩm: Ông Huỳnh Văn Q phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Khấu trừ 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Q đã nộp theo biên lai thu số 0008262 ngày 03/4/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ. Ông Q đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo bản án theo thủ tục phúc thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Trần Thị Bích Liên

Nơi nhận:
- TAND tỉnh;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn Hiệp Hòa (*ghi sổ hộ tịch*)
- Lưu hồ sơ, án văn.